



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

| MỤC LỤC | Trang |
|--|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 1 - 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| Báo cáo tài chính | |
| • Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| • Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| • Thuyết minh Báo cáo tài chính | 9 - 29 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 ngày 22/03/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/07/2015.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam là 23.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 46%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 043.5121931
- Fax: (84) 043.5121930
- Website: www.stbmienbac.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 76 người. Trong đó nhân viên quản lý là 15 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

| | | |
|---------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Hoàng Lê Bách | Chủ tịch | Trúng cử ngày 20/01/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Mơ | Ủy viên | Trúng cử ngày 20/01/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp | Ủy viên | Trúng cử ngày 20/01/2015 |
| • Ông Đinh Quốc Khánh | Ủy viên | Trúng cử ngày 20/01/2015 |

Ban Kiểm soát

| | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20/01/2015 |
| • Bà Bùi Thị Thu Lan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20/01/2015 |
| • Bà Lê Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20/01/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | | |
|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Mơ | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/01/2015 |
| • Ông Nguyễn Trọng Nhã | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/11/2016 |
| • Bà Hoàng Thị Thanh Tâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

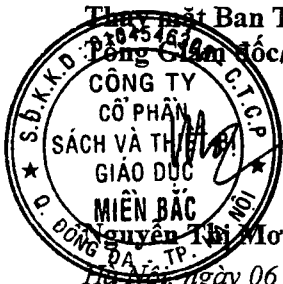
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

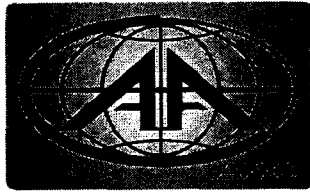
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dnng.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 170/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20/02/2017, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

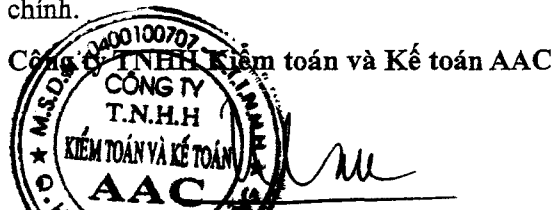
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Ngọc Thùy – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

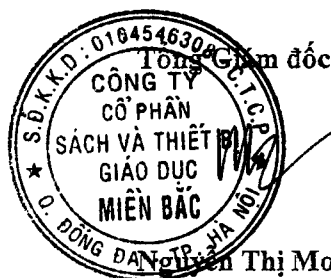
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 59.574.613.928 | 55.556.586.458 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 8.956.141.300 | 9.629.116.057 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 8.956.141.300 | 9.629.116.057 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 526.060.000 | 574.780.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | 6a | 738.520.000 | 738.520.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | 6a | (212.460.000) | (163.740.000) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 26.317.068.336 | 22.045.727.163 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 27.163.802.373 | 21.494.710.870 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 131.777.970 | 868.949.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9a | 167.411.174 | 138.230.168 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (1.145.923.181) | (456.162.875) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 | 22.613.608.238 | 22.058.815.418 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 25.734.024.567 | 25.413.632.545 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (3.120.416.329) | (3.354.817.127) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.161.736.054 | 1.248.147.820 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 12a | 1.048.250.856 | 1.093.135.845 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 113.485.198 | 132.063.673 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 16 | - | 22.948.302 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 26.257.225.542 | 19.816.371.495 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 5.670.262.381 | 6.475.963.329 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 9b | 5.670.262.381 | 6.475.963.329 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 940.335.409 | 84.725.010 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 940.335.409 | 84.725.010 |
| - Nguyên giá | 222 | | 3.920.427.869 | 2.866.344.277 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.980.092.460) | (2.781.619.267) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5.391.700.000 | 929.200.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 6b | 5.391.700.000 | 929.200.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 14.254.927.752 | 12.326.483.156 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12b | 14.254.927.752 | 12.326.483.156 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 85.831.839.470 | 75.372.957.953 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 26.266.207.245 | 17.370.097.855 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 26.266.207.245 | 17.370.097.855 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 22.232.653.883 | 13.249.504.130 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 15 | 3.350.700 | 1.971.162.290 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 488.624.601 | 37.653.529 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 728.594.860 | 151.263.328 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 454.747.738 | 541.077.311 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 726.417.885 | 339.165.946 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.631.817.578 | 1.080.271.321 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 59.565.632.225 | 58.002.860.098 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 59.565.632.225 | 58.002.860.098 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 19 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 19 | 1.827.782.537 | 1.441.737.118 |
| 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 19 | 759.440.595 | 373.395.176 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 19 | 6.978.409.093 | 6.187.727.804 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 19 | 1.187.727.804 | 586.800.163 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 19 | 5.790.681.289 | 5.600.927.641 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 85.831.839.470 | 75.372.957.953 |



Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Attame

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Phm

Lê Mai Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 342.951.990.402 | 322.190.486.357 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10 | | 342.951.990.402 | 322.190.486.357 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 21 | 300.390.645.094 | 282.928.976.578 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ | 20 | | 42.561.345.308 | 39.261.509.779 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 184.903.417 | 239.021.294 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 23 | 76.665.205 | (68.936.026) |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 23 | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 24a | 18.536.493.251 | 17.630.884.195 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 24b | 14.380.708.269 | 12.280.206.864 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 9.752.382.000 | 9.658.376.040 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 25 | 116.129.455 | 10.766.362 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 21.575.898 | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 94.553.557 | 10.766.362 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 9.846.935.557 | 9.669.142.402 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 26 | 2.126.027.173 | 2.201.238.881 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 7.720.908.384 | 7.467.903.521 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 27 | 1.313 | 1.270 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 27 | 1.313 | 1.270 |

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mơ

attame

Hoàng Thị Thanh Tâm

lham

Lê Mai Anh

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 9.846.935.557 | 9.669.142.402 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao Tài sản cố định | 02 | 13 | 541.445.294 | 94.391.659 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 504.079.508 | 999.517.663 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (291.568.195) | (239.021.294) |
| 3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 10.600.892.164 | 10.524.030.430 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (5.836.822.054) | 2.461.437.022 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (320.392.022) | 3.987.423.158 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 7.934.439.822 | 2.468.329.846 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (1.453.301.640) | 998.163.892 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 16 | (1.692.955.562) | (2.258.888.302) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (606.590.000) | (610.226.223) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 8.625.270.708 | 17.570.269.823 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác | 21 | 12b;13 | (1.827.313.660) | (12.429.233.156) |
| 2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác | 22 | | 114.545.455 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.500.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác | 24 | | 1.500.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (2.762.500.000) | - |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 177.022.740 | 246.701.294 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (4.298.245.465) | (12.182.531.862) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | 19e | (5.000.000.000) | (6.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (5.000.000.000) | (6.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (672.974.757) | (612.262.039) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5 | 9.629.116.057 | 10.241.378.096 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 5 | 8.956.141.300 | 9.629.116.057 |



Nguyễn Thị Mơ

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Kê toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Lê Mai Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22/03/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/07/2015.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng;

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay chi nhánh nào.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định hiện có. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Phương tiện vận tải | 3 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 1,5 |
| Tài sản cố định khác | 1,5 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Chi phí từ nhận chuyển nhượng văn phòng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian chuyển nhượng (50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Các mặt hàng khác áp dụng thuế suất theo qui định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 15.359.221 | 40.922.922 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 8.940.782.079 | 9.588.193.135 |
| Cộng | 8.956.141.300 | 9.629.116.057 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 738.520.000 | 562.680.000 | 212.460.000 | 738.520.000 | 601.160.000 | 163.740.000 |
| + Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục | 675.300.000 | 462.840.000 | 212.460.000 | 675.300.000 | 511.560.000 | 163.740.000 |
| + Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội | 63.220.000 | 99.840.000 | - | 63.220.000 | 89.600.000 | - |
| Cộng | 738.520.000 | 562.680.000 | 212.460.000 | 738.520.000 | 601.160.000 | 163.740.000 |

Các chứng khoán kinh doanh trên đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của từng loại chứng khoán nắm giữ được xác định căn cứ vào số lượng từng loại và giá đóng cửa của từng loại cổ phiếu tại ngày 31/12 tại HNX. Dự phòng được trích lập cho các chứng khoán kinh doanh khi giá trị hợp lý của cổ phiếu thấp hơn giá ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 | | | | |
|---|---------------------|-------------------|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Tình hình hoạt động | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào đơn vị khác | | | 5.391.700.000 | - | 929.200.000 | - |
| - Công ty CP DTXB Giáo dục Hà Nội | Đang hoạt động | 121.250 | 1.212.500.000 | - | 750.000.000 | - |
| - Công ty CP Sách TBTH Sơn La | Đang hoạt động | 16.000 | 179.200.000 | - | 179.200.000 | - |
| - Công ty CP Đầu tư xuất bản và TBGD Việt Nam | Đang hoạt động | 400.000 | 4.000.000.000 | - | - | - |
| Cộng | | | 5.391.700.000 | - | 929.200.000 | - |

Cổ phiếu của 03 công ty nhận đầu tư trên chưa niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này.

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội kết quả kinh doanh có lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn. Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2016 của 02 công ty còn lại. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Sách và TBTH Hà Giang | 4.298.949.505 | 2.072.906.910 |
| Công ty Cổ phần Sách và TBTH Thanh Hóa | 2.652.910.564 | 2.102.899.576 |
| Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tuyên Quang | 2.271.035.391 | 2.138.674.675 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | 2.294.468.412 | 3.946.014.057 |
| Công ty Cổ phần Sách-TBTH Sơn La | 3.741.058.573 | - |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 11.905.379.928 | 11.234.215.652 |
| Cộng | 27.163.802.373 | 21.494.710.870 |

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Sách và TBTH Hà Nội | 1.113.632.703 | 1.846.671.132 |
| Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tuyên Quang | 2.271.035.391 | 2.138.674.675 |
| Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La | 3.741.058.573 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | 2.294.468.412 | 3.946.014.057 |
| Các đối tượng khác | 2.658.985.564 | 3.657.269.296 |
| Cộng | 12.079.180.643 | 11.588.629.160 |

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần xây dựng 269 Thành Đô | - | 430.428.000 |
| Trung Tâm nghiên cứu và sản xuất học liệu | - | 369.065.000 |
| Công ty Cổ phần in Phúc Yên | 44.850.000 | - |
| CT TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 24.138.970 | - |
| Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng HDD | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Các đối tượng khác | 32.789.000 | 39.456.000 |
| Cộng | 131.777.970 | 868.949.000 |

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 82.800.000 | - | 77.800.000 | - |
| Phải thu khác | 84.611.174 | - | 60.430.168 | - |
| Cộng | 167.411.174 | - | 138.230.168 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ | 50.000.000 | - | 52.400.948 | - |
| Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam | - | - | 1.700.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Hà Nội (a) | 5.520.262.381 | - | 4.623.562.381 | - |
| Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội (b) | 100.000.000 | - | 100.000.000 | - |
| Cộng | 5.670.262.381 | - | 6.475.963.329 | - |

(a) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Ngày 01/07/2014, các bên thống nhất ký Phụ lục hợp đồng 01/2014/PLHĐGV, theo đó Công ty nhận chuyển nhượng lại một phần vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục vào dự án này, nâng tỷ lệ đầu tư lên 37,5%. Hiện nay dự án đang triển khai thực hiện.

(b) Góp vốn với Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, dự án vẫn chưa được triển khai.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|--------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn | 1.145.923.181 | 456.162.875 |
| - Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 1.143.958.894 | 5.581.920 |
| - Trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 1.964.288 | 450.580.955 |
| Cộng | 1.145.923.181 | 456.162.875 |

11. Hàng tồn kho

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 29.343.360 | - | 17.248.270 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.644.314.322 | - | 4.385.249.228 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 224.590.959 | - | - | - |
| Chi phí SX, KD dở dang | 433.778.712 | - | 928.682.340 | - |
| Thành phẩm | 5.753.766.864 | 2.260.811.228 | 5.684.827.357 | 2.484.828.452 |
| Hàng hóa | 14.648.230.350 | 859.605.101 | 14.397.625.350 | 869.988.675 |
| Cộng | 25.734.024.567 | 3.120.416.329 | 25.413.632.545 | 3.354.817.127 |

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016 là 1.453.414.781 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển | 672.864.856 | 624.913.499 |
| Chi phí sửa chữa cửa hàng | - | 318.889.846 |
| Chi phí tổ chức bán thảo | 375.386.000 | 149.332.500 |
| Cộng | 1.048.250.856 | 1.093.135.845 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí sửa chữa cửa hàng | 24.280.750 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 271.543.758 | - |
| Chi phí hoàn thiện văn phòng công ty (làm vách ngăn, ốp trần...) | 1.202.362.121 | - |
| Chi phí nhận chuyển nhượng văn phòng (*) | 12.756.741.123 | 12.326.483.156 |
| Cộng | 14.254.927.752 | 12.326.483.156 |

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số 207C1/HĐCNVP/HANDICO6, Công ty nhận chuyển nhượng 393,77 m² tại tầng 12A của Tòa nhà Diamond Flower trong thời hạn 50 năm để làm văn phòng. Thời điểm bàn giao tòa nhà: cuối tháng 11/2015. Hiện tại, Công ty chưa có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình (theo Hợp đồng, nếu có sự thay đổi về Pháp luật cho phép thì Công ty phải trả thêm một khoản chi phí 2.100.000 đồng/m² và Công ty sẽ có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình). Theo đó, Công ty thực hiện phân bổ chi phí chuyển nhượng này vào chi phí trong thời gian là 50 năm.

13. Tài sản cố định hữu hình

| | P.tiền vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ khác | Cộng |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 2.320.469.732 | 308.420.000 | 237.454.545 | 2.866.344.277 |
| Tăng trong năm | 1.055.148.733 | 34.867.882 | 46.706.977 | 1.136.723.592 |
| Giảm trong năm | 82.640.000 | - | - | 82.640.000 |
| Số cuối năm | 3.292.978.465 | 343.287.882 | 284.161.522 | 3.920.427.869 |
| Khấu hao | | | | |
| Số đầu năm | 2.275.703.059 | 268.461.663 | 237.454.545 | 2.781.619.267 |
| Khấu hao trong năm | 207.458.117 | 47.706.754 | 25.948.322 | 281.113.193 |
| Giảm trong năm | 82.640.000 | - | - | 82.640.000 |
| Số cuối năm | 2.400.521.176 | 316.168.417 | 263.402.867 | 2.980.092.460 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 44.766.673 | 39.958.337 | - | 84.725.010 |
| Số cuối năm | 892.457.289 | 27.119.465 | 20.758.655 | 940.335.409 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ hữu hình thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 2.688.904.277 đồng.
- Tại ngày 31/12/2016 TSCĐ hữu hình chờ thanh lý: Không có.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | 16.250.004.840 | 11.773.787.416 |
| Các đối tượng khác | 5.982.649.043 | 1.475.716.714 |
| Cộng | 22.232.653.883 | 13.249.504.130 |

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | 16.250.004.840 | 11.773.787.416 |
| Các đối tượng khác | 3.602.999.264 | - |
| Cộng | 19.853.004.104 | 11.773.787.416 |

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng | - | 312.151.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội | - | 233.984.757 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội | - | 368.300.311 |
| Công ty Cổ phần Sách đại học và dạy nghề | - | 669.371.552 |
| Nhà Sách Oanh Bình - LS | 2.124.600 | - |
| Các đối tượng khác | 1.226.100 | 387.354.670 |
| Cộng | 3.350.700 | 1.971.162.290 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|------------|----------------------|
| Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội | - | 233.984.757 |
| Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội | - | 368.300.311 |
| Công ty CP Sách đại học - dạy nghề | - | 669.371.552 |
| Các đối tượng khác | - | 4.154.110 |
| Cộng | - | 1.275.810.730 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phải nộp trong năm | Số thực nộp trong năm | Số cuối năm | |
|----------------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|-------------|--------------------|
| | Phải thu | Phải trả | | | Phải thu | Phải trả |
| Thuế giá trị gia tăng | - | - | 314.982.173 | 314.982.173 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 22.948.302 | - | 2.126.027.173 | 1.692.955.562 | - | 410.123.309 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 37.653.529 | 464.975.607 | 424.127.844 | - | 78.501.292 |
| Cộng | 22.948.302 | 37.653.529 | 2.905.984.953 | 2.432.065.579 | - | 488.624.601 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí hội nghị | 230.800.000 | 291.600.000 |
| Phí tổ chức bán thảo | 221.323.418 | 224.722.593 |
| Phí quản lý xuất bản | - | 22.130.398 |
| Các khoản trích trước khác | 2.624.320 | 2.624.320 |
| Cộng | 454.747.738 | 541.077.311 |

18. Phải trả khác ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 68.986.758 | 59.712.650 |
| Phải trả về hoa hồng môi giới | 331.388.130 | 125.169.001 |
| Phải trả khác | 326.042.997 | 154.284.295 |
| Cộng | 726.417.885 | 339.165.946 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|-----------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------|---|
| Số dư tại 01/01/2015 | 50.000.000.000 | 1.068.341.942 | - | 6.586.800.163 |
| Tăng trong năm | - | 373.395.176 | 373.395.176 | 7.467.903.521 |
| Giảm trong năm | - | - | - | 7.866.975.880 |
| Số dư tại 31/12/2015 | 50.000.000.000 | 1.441.737.118 | 373.395.176 | 6.187.727.804 |
| Số dư tại 01/01/2016 | 50.000.000.000 | 1.441.737.118 | 373.395.176 | 6.187.727.804 |
| Tăng trong năm | - | 386.045.419 | 386.045.419 | 7.720.908.384 |
| Giảm trong năm | - | - | - | 6.930.227.095 |
| Số dư tại 31/12/2016 | 50.000.000.000 | 1.827.782.537 | 759.440.595 | 6.978.409.093 |

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam | 23.000.000.000 | 23.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 24.500.000.000 | 24.500.000.000 |
| Cộng | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |

c. Cổ phiếu

| | 31/12/2016 Cổ phiếu | 01/01/2016 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang | 6.187.727.804 | 6.586.800.163 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này | 7.720.908.384 | 7.467.903.521 |
| Phân phối lợi nhuận | 6.930.227.095 | 7.866.975.880 |
| - Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*) | 5.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| + Chia lãi cho các cổ đông | 5.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| - Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**) | 1.930.227.095 | 1.866.975.880 |
| + Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành (15%) | 1.158.136.257 | 1.120.185.528 |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển (5%) | 386.045.419 | 373.395.176 |
| + Quỹ bổ sung vốn điều lệ (5%) | 386.045.419 | 373.395.176 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 6.978.409.093 | 6.187.727.804 |

(*) Lợi nhuận năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 12/04/2016.

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12/04/2016.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 12/04/2016 đã thông qua phương án trả cổ tức 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vốn điều lệ. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2016.

Ngày 04/01/2017, Hội đồng quản trị đã thông báo chốt danh sách để trả cổ tức năm 2016 mức 10%/năm. Ngày chốt danh sách để thực hiện trả cổ tức là ngày 09/01/2017.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán sách giáo khoa | 279.424.830.581 | 258.108.093.347 |
| Doanh thu bán sách tham khảo | 60.072.905.614 | 59.562.205.910 |
| Doanh thu bán thiết bị giáo dục | 2.668.231.246 | 3.758.619.561 |
| Doanh thu khác | 786.022.961 | 761.567.539 |
| Cộng | 342.951.990.402 | 322.190.486.357 |

21. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán sách giáo khoa | 262.548.643.570 | 242.535.746.846 |
| Giá vốn bán sách tham khảo | 35.375.446.323 | 36.927.799.677 |
| Giá vốn bán thiết bị giáo dục | 1.956.131.348 | 2.847.282.580 |
| Giá vốn khác | 510.423.853 | 618.147.475 |
| Cộng | 300.390.645.094 | 282.928.976.578 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 40.342.740 | 102.521.294 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 136.680.000 | 136.500.000 |
| Chiết khấu thanh toán | 7.880.677 | - |
| Cộng | 184.903.417 | 239.021.294 |

23. Chi phí tài chính

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-----------------------------------|-------------------|---------------------|
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 48.720.000 | (127.890.000) |
| Chiết khấu thanh toán | 27.945.205 | 58.953.974 |
| Cộng | 76.665.205 | (68.936.026) |

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí hoa hồng, hội nghị | 1.075.657.850 | 890.942.880 |
| Tiền lương nhân viên bán hàng | 6.790.971.193 | 5.676.112.367 |
| Chi phí thuê kho | 1.461.305.243 | 1.492.607.269 |
| Chi phí vận chuyển | 4.471.478.503 | 3.546.915.741 |
| Các khoản khác | 4.737.080.462 | 6.024.305.938 |
| Cộng | 18.536.493.251 | 17.630.884.195 |

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương | 4.534.068.845 | 3.996.823.999 |
| Chi phí công tác | 656.681.263 | 301.737.215 |
| Chi phí thuê kho | 148.214.839 | 616.272.908 |
| Dự phòng phải thu | 689.760.306 | 456.162.875 |
| Chi phí dụng cụ văn phòng | 1.010.317.318 | 652.410.255 |
| Các khoản khác | 7.341.665.698 | 6.256.799.612 |
| Cộng | 14.380.708.269 | 12.280.206.864 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Thu nhập khác

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| Thu nhập bán phế liệu | 1.584.000 | 10.766.362 |
| Thanh lý tài sản cố định | 114.545.455 | - |
| Cộng | 116.129.455 | 10.766.362 |

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 9.846.935.557 | 9.669.142.402 |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế | 556.152.346 | 336.488.876 |
| - Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ) | 692.832.346 | 472.988.876 |
| - Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia) | 136.680.000 | 136.500.000 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 10.403.087.903 | 10.005.631.278 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 2.126.027.173 | 2.201.238.881 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này | 2.080.617.580 | 2.201.238.881 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | 45.409.593 | - |

27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.720.908.384 | 7.467.903.521 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế | (1.158.136.257) | (1.120.185.528) |
| - Điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) | 1.158.136.257 | 1.120.185.528 |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 6.562.772.127 | 6.347.717.993 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (*) | 1.313 | 1.270 |

(*) Chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 đã được điều chỉnh tương ứng với ảnh hưởng của số liệu tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm. Số liệu chỉ tiêu này có thể thay đổi khi có quyết định chính thức về phân phối lợi nhuận năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 9.882.816.612 | 8.841.951.372 |
| Chi phí nhân công | 11.818.684.625 | 10.077.991.124 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 281.113.193 | 94.391.659 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 29.051.674.887 | 42.444.995.740 |
| Chi phí khác bằng tiền | 8.025.291.137 | 7.804.077.997 |
| Cộng | 59.059.580.454 | 69.263.407.892 |

29. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển 1,7 tỷ đồng từ khoản mục “Phải thu dài hạn khác” sang khoản “Đầu tư dài hạn khác” vào Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam” theo Biên bản bù trừ.

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

a. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh giao dịch và số dư ngoại tệ, các khoản vay, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa, nguyên liệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt-Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2016 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 22.232.653.883 | - | 22.232.653.883 |
| Chi phí phải trả | 454.747.738 | - | 454.747.738 |
| Phải trả khác | 657.431.127 | - | 657.431.127 |
| Cộng | 23.344.832.748 | - | 23.344.832.748 |
| 01/01/2016 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Phải trả người bán | 13.249.504.130 | - | 13.249.504.130 |
| Chi phí phải trả | 541.077.311 | - | 541.077.311 |
| Phải trả khác | 279.453.296 | - | 279.453.296 |
| Cộng | 14.070.034.737 | - | 14.070.034.737 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| 31/12/2016 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.956.141.300 | - | 8.956.141.300 |
| Đầu tư tài chính | 526.060.000 | 5.391.700.000 | 5.917.760.000 |
| Phải thu khách hàng | 26.017.879.192 | - | 26.017.879.192 |
| Phải thu khác | 84.611.174 | 5.670.262.381 | 5.754.873.555 |
| Cộng | 35.584.691.666 | 11.061.962.381 | 46.646.654.047 |
| 01/01/2016 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.629.116.057 | - | 9.629.116.057 |
| Đầu tư tài chính | 574.780.000 | 929.200.000 | 1.503.980.000 |
| Phải thu khách hàng | 21.038.547.995 | - | 21.038.547.995 |
| Phải thu khác | 60.430.168 | 6.475.963.329 | 6.536.393.497 |
| Cộng | 31.302.874.220 | 7.405.163.329 | 38.708.037.549 |

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

| | Mối quan hệ |
|--|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam") | Công ty đầu tư |
| Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội | Công ty đầu tư |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP PHS- TBTH Hưng Yên | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBGD miền Nam | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBTH Sơn La | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP đầu tư và xuất bản Giáo dục | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBGD Cửu long | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách - TBGD Nam Định | Chung Công ty đầu tư |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

| Giao dịch | Năm 2016 | Năm 2015 | |
|---|--------------------------|-----------------|-----------------|
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Mua sách giáo khoa | 256.587.633.675 | 243.320.730.819 |
| Công ty CP Sách và TBGD miền Nam | Mua sách giáo khoa | 924.971.240 | 936.013.954 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Chi phí tổ chức bàn thảo | 4.069.698.839 | 2.619.940.813 |
| Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | Bán sách giáo khoa | 32.195.760 | 5.993.714.880 |
| Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh | Bán sách giáo khoa | 11.700.597.824 | 11.717.104.170 |
| Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang | Bán sách giáo khoa | 8.243.553.280 | 7.916.117.054 |
| Công ty CP PHS- TBTH Hưng Yên | Bán sách giáo khoa | 11.240.087.736 | 11.714.625.896 |
| Công ty CP Sách - TB giáo dục Nam Định | Bán sách giáo khoa | 12.941.489.724 | 13.004.826.568 |
| Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An | Bán sách giáo khoa | 10.421.064.828 | 10.752.021.070 |
| Công ty CP Sách và TBTH Sơn La | Bán sách giáo khoa | 9.354.029.713 | 6.136.014.377 |
| Công ty CP Sách và TBGD miền Nam | Bán sách giáo khoa | 630.350.446 | 1.254.678.748 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Bán sách giáo khoa | - | 3.122.001.160 |

c. Lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

| Bên liên quan | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-----------------------------------|-------------|-------------|
| Lương Ban Giám đốc | 854.116.788 | 858.381.135 |
| Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị | 333.000.000 | 447.777.779 |

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 04/01/2017, Hội đồng quản trị đã thông báo chốt danh sách để trả cổ tức năm 2016 là 10%/năm. Ngày chốt danh sách để thực hiện trả cổ tức là ngày 09/01/2017.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Thị Mơ

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Lê Mai Anh